TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/DS-ST
Ngày 29-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Ông Từ Anh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 500/2023/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 81/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N; Trụ sở: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Đức L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A, Đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2023). Ông L vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Công T, sinh năm 2003; Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N trình bày:

Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 thực hiện giao dịch tín dụng cho vay theo "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 22/12/2022" của bà Bùi Công T với một số nội dung chính sau:

Cho vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V Master: M04100137075; hạn mức tín dụng: 18.000.000 đồng; lãi suất cho vay: Thay đổi theo thông báo của Ngân hàng G trong sao kê; phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu là 100.000 đồng (Trong đó giá trị thanh toán tối thiểu =

(số dư nợ cuối kỳ sao kê ngoài trả góp x 10%) + số tiền thanh toán tối thiểu của các kỳ sao kê trước chưa trả + số tiền sử dụng vượt hạn mức tín dụng trong kỳ sao kê (nếu có) + các khoản trả góp định kỳ (nếu có)); phí rút tiền mặt: 3.64% số tiền giao dịch (tối thiểu 45.454 đồng/giao dịch); phí vượt hạn mức: Vượt quá hạn mức từ 01 đến 05 ngày: 8%/năm (số tiền vượt hạn mức); từ ngày 06 đến 15 ngày: 10%/ năm (số tiền vượt hạn mức); từ ngày thứ 16 trở đi: 15%/ năm (số tiền vượt hạn mức).

Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà Bùi Công T theo phương thức cho vay theo hạn mức, đến nay bà Bùi Công T còn dư nợ thẻ chưa thanh toán theo các kỳ sao kê từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024; tổng số tiền đã sử dụng trên là 25.947.010 đồng, tổng số đã thanh toán là 8.840.233 đồng nợ gốc và 305.057 đồng nợ lãi, phí. Tổng dư nợ gốc còn lại là 17.106.777 đồng.

Tính đến hết ngày 29/03/2024 tổng số nợ của bà Bùi Công T là 25.926.133 đồng, gồm: Nợ gốc thẻ tín dụng: 17.106.777 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 3.292.020 đồng; P không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 5.060.671 đồng; Phí vượt hạn mức: 366.665 đồng; Phí thường niên: 100.000 đồng.

Quá thời hạn trả nợ đến nay, Ngân hàng TMCP N đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Bùi Công T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP N.

Nay Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Bùi Công T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2024 là là 25.926.133 đồng, gồm: Nợ gốc thẻ tín dụng: 17.106.777 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 3.292.020 đồng; P không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 5.060.671 đồng; Phí vượt hạn mức: 366.665 đồng; Phí thường niên: 100.000 đồng

- Đồng thời, bà Bùi Công T phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, kể từ ngày 30/03/2024 cho đến ngày thực tế trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

* *Đối với bị đơn bà Bùi Công T:* Quá trình tố tụng, bà Bùi Công T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Công T thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V Master: M04100137075. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 22/12/2022, giữa Ngân hàng TMCP N với bà Bùi Công T được giao kết, thực hiện tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 có địa chỉ tại thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa các ngày 25/3/2024 và 29/3/2024 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Bùi Công T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ cở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh N1 thực hiện giao dịch tín dụng cho vay theo "Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 22/12/2022" với bà Bùi Công T với một số nội dung chính sau: Cho vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V Master: M04100137075; hạn mức tín dụng: 18.000.000 đồng; lãi suất cho vay: Thay đổi theo thông báo của Ngân hàng G trong sao kê; phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu là 100.000 đồng (Trong đó giá trị thanh toán tối thiểu = (số dư nợ cuối kỳ sao kê ngoài trả góp x 10%) + số tiền thanh toán tối thiểu của các kỳ sao kê trước chưa trả + số tiền sử dụng vượt hạn mức tín dụng trong kỳ sao kê (nếu có) + các khoản trả góp định kỳ (nếu có)); phí rút tiền mặt: 3.64% số tiền giao dịch (tối thiểu 45.454 đồng/giao dịch); phí vượt hạn mức: Vượt quá hạn mức từ 01 đến 05 ngày: 8%/năm (số tiền vượt hạn mức); từ ngày 06 đến 15 ngày: 10%/ năm (số tiền vượt hạn mức); từ ngày thứ 16 trở đi: 15%/ năm (số tiền vượt hạn mức).

Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà Bùi Công T theo phương thức cho vay theo hạn mức. Đến nay bà Bùi Công T còn dư nợ thẻ chưa thanh toán theo các kỳ sao kê từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024; tổng số tiền đã sử dụng trên là 25.947.010 đồng, tổng số đã thanh toán là 8.840.233 đồng nợ gốc và 305.057 đồng nợ lãi, phí. Tổng dư nợ gốc còn lại là 17.106.777 đồng.

Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 22/12/2022, giữa Ngân hàng TMCP N với bà Bùi Công T về việc cho vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V Master: M04100137075 là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Bùi Công T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Bùi Công T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 29/3/2024 là 25.926.133 đồng, gồm: Nợ gốc thẻ tín dụng: 17.106.777 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 3.292.020 đồng; P không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 5.060.671 đồng; Phí vượt hạn mức: 366.665 đồng; Phí thường niên: 100.000 đồng

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng TMCP N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận

[4] Bị đơn bà Bùi Công T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP N các khoản lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký, kể từ ngày 30/03/2024 cho đến ngày thực tế trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Bùi Công T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 40, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với bà Bùi Công T về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc bà Bùi Công T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ thẻ tín dụng quốc tế V Master: M04100137075 tính đến ngày 29/03/2024 là 25.926.133 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn một trăm ba mươi ba đồng), gồm: Nợ gốc thẻ tín dụng: 17.106.777 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 3.292.020 đồng; P không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 5.060.671 đồng; Phí vượt hạn mức: 366.665 đồng; Phí thường niên: 100.000 đồng

- Đồng thời, bà Bùi Công T phải tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng ngày 22/12/2022, giữa Ngân hàng TMCP N với bà Bùi Công T, kể từ ngày 30/03/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Công T phải chịu số tiền 1.296.307 đồng (một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 484.140 đồng (bốn trăm tám mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

0007004 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng